TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2022/DS- ST
Ngày: 14/6/2022
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên

Bà Nguyễn Thị Như Trang

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình*** *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/6/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:12/2021/TLST-DS ngày 08/12/2021 về việc " tranh chấp chia di sản thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04 /2022/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: bà **Trịnh Thị Ng**, sinh năm 1966

Địa chỉ: thôn L, xã H, huyện M, TP Hà Nội

2.*Bị đơn*: bà **Trịnh Thị T**, sinh năm 1952

Địa chỉ: thôn T, xã G, huyện X, tỉnh Thái Bình

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông **Trịnh Minh Th**, sinh năm 1947

Địa chỉ: số nhà *, tổ *, khu phố *, phường B, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Trịnh Thị H**, sinh năm 1957

- Bà **Trịnh Thị Ch**, sinh năm 1959

- Bà **Trịnh Thị Đ**, sinh năm 1962

Đều ở địa chỉ: thôn T, xã G, huyện X, tỉnh Thái Bình.

(bà Ng có mặt; ông Th có đơn xin vắng mặt; bà T, bà Đ, bà Chiều, bà H đều vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố Tng, nguyên đơn bà Trịnh Thị Ng trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Trịnh Văn T, sinh năm 1916 chết năm 1989 và cụ Trần Thị L(tên gọi khác là T), sinh năm 1922 chết năm 2014 sinh được 07 người con gồm: ông Trịnh Minh Th, bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Thị H, bà Trịnh Thị Ch, bà Trịnh Thị Đ, bà Trịnh Thị Ng, bà Trịnh Thị Th đã chết năm 1968 không có chồng, không có con, hai cụ không có con riêng, không nhận nuôi con nuôi, trước khi chết bố mẹ bà không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ gì. Di sản bố mẹ bà để lại là 360m^2 đất thổ và 23m^2 đất vườn thuộc số thửa 3198a tại thôn T, xã G, huyện X, đã được Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/11/1997 mang tên cụ Trịnh Thị T (tên gọi khác của cụ Trần Thị L).

Bà Trịnh Thị H đứng tên chủ sử dụng 240m^2 đất thổ thuộc số thửa 3198 được tách ra từ thửa đất của bố mẹ bà, đã được Ủy ban nhân dân huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/11/1997.

Quá trình sử dụng đất do là người một nhà nên không có sự phân định rõ về ranh giới. Trước đây bố mẹ bà có 04 gian nhà đất tại vị trí nhà mái bằng của bà H hiện nay, bà T và bà H ở cùng, sau đó dỡ nhà đất làm 2 gian nhà proximang ở vị trí như hiện nay, năm 2001 bà H xây nhà mái bằng giáp với nhà của bố mẹ bà. Năm 2014 Nhà nước thu hồi 74,7m^2 đất ở của bố mẹ bà để làm đường đường 457 được đến bù số tiền 150.000.000 đồng, bà T là người trực tiếp lĩnh tiền, sử dụng 100.000.000 đồng để xây nhà mái bằng còn 50.000.000 đồng bà T đang quản lý. Bà H bị thu hồi 79m^2 đất và phải tháo dỡ toàn bộ nhà mái bằng nhưng bà không phá dỡ toàn bộ mà để lại phần móng nhà, được đền bù số tiền 350.000.000 đồng rồi làm nhà giáp với móng nhà cũ và ở ổn định cho đến nay, bà H đã chuyển nhượng một phần diện tích đất của mình cho người khác, bà không có ý kiến gì về việc này.

Bà Ng yêu cầu chia di sản thừa kế đối với: 308,3m^2 đất trong đó có 285,3m^2 đất ở và 23m^2 đất trồng cây lâu năm có tứ cận: phía Đông giáp đường 457 dài 28,13 m, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Thvà ông Nguyễn Văn Trdài 29,38, phía Nam giáp đất ông Trịnh Văn Bdài 7,56m, phía Bắc giáp nhà bà Trịnh Thị H dài 14,03m; 82,2m^2 đất tăng lên do sai số khi đo đạc giáp với đất bà H đã chuyển nhượng cho bà Huê; nhà

mái bằng và số tiền 50.000.000 đồng do bà T đang quản lý, sử dụng. Sau đó bà rút yêu cầu chia di sản đối với nhà và tiền chỉ yêu cầu chia di sản đối với toàn bộ diện tích đất trên. Bà đề nghị được hưởng di sản bằng hiện vật vì đất rộng, chia được bằng hiện vật để bà làm nơi đi về. Đối với công sức chăm sóc bố mẹ khi còn sống, quản lý, duy trì di sản của bà T bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều khai cụ T và cụ Ltrước khi chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ gì, về diện, hàng thừa kế thống nhất như lời khai của bà Ng.

Bị đơn bà Trịnh Thị T khai: di sản của bố mẹ bà là diện tích đất đúng như bà Ng đang yêu cầu, bà có nguyện vọng để lại làm nơi thờ cúng. Nếu Tòa án chia di sản theo quy định của pháp luật bà đề nghị xem xét công sức chăm sóc hai cụ khi còn sống, lo ma chay, cúng giỗ và duy trì di sản của bà, ngoài ra bà còn đề nghị xem xét chia cho cháu nội ông Th tên Trịnh Thị L được hưởng 1 suất thừa kế vì hoàn cảnh khó khăn. Bà không yêu cầu giải quyết đối với số tiền đã lo ma chay cho hai cụ và việc tôn tạo đất trong quá trình sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H trình bày: trước đây bà ở cùng với cụ T và cụ Lánh, theo quy định của UBND tỉnh Thái Bình thì mỗi hộ chỉ được giao sử dụng không quá 360m^2 đất ở, do đó Nhà nước đã lấy diện tích đất ở vượt quá của bố mẹ bà giao cho bà là một hộ riêng nên theo bản đồ 04 năm 1992 bà đã đứng tên là chủ sử dụng đất, năm 1996 bà được UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng không phân định rõ ranh giới, năm 2000 bà xây nhà mái bằng giáp với nhà của cụ Lánh, năm 2014 Nhà nước thu hồi 79m^2 đất, làm đường 457, bà đã được đền bù tiền thu hồi đất và toàn bộ nhà, do vậy bà phải làm nhà mái bằng giáp với nhà cũ để ở, khi xây có lấn sang phần đất của bố mẹ bà, các bà T, bà Chiều, bà Đ biết việc này và đều đồng ý. Năm 2021 bà chuyển nhượng một phần diện tích đất của bà cho bà Phạm Thị H, bà và bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà xác định di sản bố mẹ bà để lại là diện tích đất có tứ cận như bà Ng trình bày và diện tích đất tăng lên giáp với đất bà H. Đối với diện tích đất bà đã xây sang đất di sản, bà đề nghị trừ vào phần bà được chia thừa kế nếu còn bà nhường cho bà T được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Ch và Trịnh Thị Đ đều xác định di sản là diện tích đất có tứ cận như bà Ng đang yêu cầu chia, phần di sản được hưởng hai bà nhường cho bà T. Đề nghị Tòa án xem xét công sức chăm sóc, nuôi dưỡng bố mẹ khi còn sống và lo ma chay, cúng giỗ, bảo quản, duy trì khối di sản cho bà T.

Đối với diện tích đất bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hai bà không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh Th trình bày: di sản của bố mẹ ông đẻ lại là diện tích đất hiện nay bà T đang quản lý, diện tích cụ thể bao nhiêu ông không nắm được, ông đề nghị Tòa án xác định di sản và phân chia theo quy định của pháp luật, ông không có ý kiến gì. Ông đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Kết quả xác minh tại UBND xã Trà Giang thể hiện: theo bản đồ 299 năm 1982 diện tích đất đang tranh chấp là đất thổ cư của gia đình, xã không có sổ mục kê.

Theo bản đồ 04 đo năm 1992, tại thửa đất số 3198, chủ sử dụng đất là Trịnh Thị H + T, diện tích 623m^2(T) đất thổ.

Ngày 05/11/1997 cụ Trịnh Thị T (tên gọi khác của cụ Trần Thị Lvì phong Tc địa phương là lấy tên chồng) được UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 526163 đối với: 360m^2 đất thổ (thửa 3198a), 23m^2 đất vườn (thửa 3198a), 214m^2 đất ao (thửa 3241) và diện tích đất hai lúa. Cùng ngày bà Trịnh Thị H cũng được UBND huyện Kiến Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 240m^2 đất thổ (thửa 3198) và diện tích đất hai lúa.

Theo bản đồ VLAP đo 2009, tờ bản đồ số 25, cụ Trần Thị Lđứng tên thửa đất số 321, diện tích 224,5m^2 (ONT, LNK- đất ở và trồng cây lâu năm) còn bà Trịnh Thị H và con trai bà H là anh Trịnh Văn Duẩn đứng tên thửa đất số 320, diện tích 480,8m^2 (ONT,LNK) và thửa 336, diện tích 131,2m^2 (BHK- đất trồng cây hàng năm). Khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Lvà bà H vào năm 1997 tách ra từ cùng một thửa 3198, không có sơ đồ kèm theo, còn khi đo đạc theo dự án VLAP là đo theo hiện trạng sử dụng nên diện tích đất cụ Lvà bà H đứng tên có sự chênh lệch với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng diện tích của hai thửa 320 và 321 là 705,3m^2 (tăng so với bản đồ 04 đo năm 1992 là 82,3m^2) là đất trồng cây lâu năm, do sai số khi đo đạc.

Kết quả xác minh tại phòng tài nguyên và môi trường huyện Kiến Xương thể hiện: hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Trịnh Thị T và bà Trịnh Thị H vào năm 1997 hiện phòng tài nguyên và môi trường huyện Kiến Xương không còn lưu giữ nên không cung cấp được cho Tòa án, không xác định được vị trí cụ thể của từng loại đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Trịnh Thị T. Căn cứ vào bản đồ 04 xác định diện tích tăng 82,2m^2 là do sai số trong quá trình đo đạc, diện tích đất này được xác định là đất trồng cây lâu năm.

Kết quả thu thập tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiến Xương thể hiện: ngày 29/12/2020 bà Trịnh Thị H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 105,5m^2 đất ở cho bà Phạm Thị H, sinh năm 1948, địa chỉ TTD *, XĐ, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Ngày 08/6/2021 bà Trịnh Thị H được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 088750, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 00250 ngày 08/6/2021 đối với 55,4m^2 đất ở tại số thửa 736 tờ bản đồ số 25; bà Phạm Thị H được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 088749, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 00251 đối với 105,5m^2 đất ở tại số thửa 735 tờ bản đồ số 25.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản thể hiện:

Về đất: Đo đạc toàn bộ diện tích đất của cụ Trịnh Thị T và bà Trịnh Thị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận: phía Đông giáp đường 457 dài 45,48m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Thơi, ông Nguyễn Văn Trvà bà Trịnh Thị Then dài 42,37m; phía Nam giáp đất ông Trịnh Văn Bdài 7,56m; phía Bắc giáp thửa đất 336 của bà Trịnh Thị H dài 19,08m tổng diện tích 551,5m^2.

Diện tích đất được bà Ng, bà T, bà Đ, bà Chiều, bà H xác định là di sản thừa kế có tứ cận: phía Đông giáp đường 457 dài 29,38 m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Thvà ông Nguyễn Văn Trdài 28,13m; phía Nam giáp đất ông Trịnh Văn Bdài 7,56m; phía Bắc giáp nhà bà Trịnh Thị H (thửa 736) dài 14,03m tổng diện tích 308,3m^2. Trên diện tích đất này có các tài sản sau, thứ tự các tài sản tính từ phía Nam (giáp đất ông Trịnh Văn Bang):

Vườn: trên vườn có 06 cây mít đường kính 2-4cm có giá 50.000 đồng/ cây, 01 cây mít đường kính 4-8cm có giá 150.000 đồng/ cây, 01 cây đu đủ đường kính 10cm có giá 136.000 đồng/ cây do bà T trồng.

Giáp vườn là nhà mái bằng và công trình phụ diện tích 51m^2 giá trị 118.178.000 đồng, mái tôn giá trị 1.822.000 đồng, mái proximang giá trị 380.000 đồng, sân giá trị 3.565.000 đồng do bà T đang quản lý;

Giáp nhà bà T là móng nhà do bà H xây dựng năm 2000 (đã được đền bù toàn bộ), bể nước, tex nước nhựa, 01 cây mít đường kính 2-4cm có giá 50.000 đồng, 01 cây mít đường kính 4-8cm có giá 150.000 đồng;

Giáp móng nhà là nhà mái bằng 01 tầng của bà H giá trị 76.291.000 đồng, trong đó có 17,2m^2 xây sang phần đất được xác định là di sản.

Giáp nhà bà H là đất bà H đã chuyển nhượng cho bà Phạm Thị Huê.

Giáp đất bà Huê là đất được xác định tăng lên do sai số khi đo đạc có diện tích 82,2m^2. Trên diện tích đất này có tường bao phía Bắc giá trị 3.913.000 đồng, tường bao phía Tây giá trị 421.000 đồng do bà H xây dựng.

Giá đất ở: 7.000.000 đồng/ m^2; giá đất trồng cây lâu năm: 45.000 đồng/m^2.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

-Về việc tuân theo pháp luật tố Tng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố Tng dân sự về xác định thẩm quyền, thụ lý vụ án, tư cách tố Tng, quá trình thu thập chứng cứ, các thủ Tc tống đạt, thông báo các văn bản tố Tng, về việc phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Đ 70, Đ71 Bộ luật tố Tng dân sự; bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chiều, bà Đ, bà H chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Đ 70,72, 73 Bộ luật tố Tng dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh Th đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Đ 70, 73 Bộ luật tố Tng dân sự.

-*Về nội dung:* Đề nghị áp dụng các Đ 149, 623,650,651 Bộ luật dân sự chia di sản của cụ T và cụ Ltheo quy định của pháp luật:

Chia cho bà Trịnh Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 166,6m^2 trong đó có 163m^2 đất ở và 3,6m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 321 và thửa số 737, đất có tứ cận: phía Đông giáp đường 45, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Th, phía Nam giáp đất ông Trịnh Văn B, phía Bắc giáp đất chia cho bà Trịnh Thị Ng và 82,2m^2 đất trồng cây lâu năm tăng lên do sai số khi đo đạc thuộc thửa 734.

Chia cho bà Trịnh Thị Ng được quyền sử dụng diện tích đất 98,6m^2 trong đó có 81,55m^2 đất ở và 17,05m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 737 có tứ cận: phía Đông giáp đường 457, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Tr, phía Nam giáp đất bà Trịnh Thị T, phía Bắc giáp đất bà Trịnh Thị H. Bà Ng được sở hữu toàn bộ diện tích móng nhà, 02 cây mít, bà Ng có trách nhiệm thanh toán cho bà H giá trị 2 cây mít là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Buộc bà Trịnh Thị H phải tháo dỡ, di dời bể nước, tex nước nhựa có trên diện tích đất bà Ng được chia.

Chia cho bà Trịnh Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 43,1m^2 trong đó có 40,75m^2 đất ở và 2,35m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 737 có tứ cận: phía Đông

giáp đường 457, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Trị, phía Nam giáp đất bà Trịnh Thị Ng, phía Bắc giáp đất bà Trịnh Thị H.

Bà Ng có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế ông Th được hưởng là 285.398.000đ.

Bà T có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế đối với diện tích đất trồng cây lâu năm được hưởng cho ông Th và bà Ng.

Các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố Tng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh Tng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ Tc tố Tng*:

[1] Bà Trịnh Thị Ng yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất tại xã Trà Giang, huyện Kiến Xương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình là đúng với quy định tại khoản 5 Đ 26 Bộ luật tố Tng dân sự.

[2] Đối tượng tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, quá trình giải quyết vụ án Tòa án T hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Đ 21 Bộ luật tố Tng dân sự.

[3] Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị Đ, Trịnh Thị Ch, Trịnh Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Minh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Đ 228 Bộ luật tố Tng dân sự, Tòa án T hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*:

[4] Về thời hiệu khởi kiện: cụ Trịnh Văn T chết năm 1989, cụ Trần Thị Lchết năm 2014, thời điểm mở thừa kế đối với phần di sản của cụ T để lại tính đến ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện (ngày 03/6/2021) đã trên 30 năm. Tuy nhiên không có đương sự nào trong vụ án yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên căn cứ vào Đ 184 Bộ luật tố Tng dân sự và Đ 149 Bộ luật dân sự HĐXX áp dụng quy định pháp luật về thừa kế để chia đối với toàn bộ di sản của cụ T và cụ Lánh.

[5] Về hàng thừa kế: cụ Trịnh Văn T và cụ Trần Thị Lsinh được 07 người con gồm: ông Trịnh Minh Th, bà Trịnh Thị T, bà Trịnh Thị H, bà Trịnh Thị Ch, bà Trịnh Thị Đ, bà Trịnh Thị Ng và bà Trịnh Thị Th đã chết năm 1968 không có chồng, không có con. Hai cụ chết không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ gì, bà T không yêu cầu

giải quyết chi phí mai táng cho hai cụ nên toàn bộ di sản được chia đều cho những người ở hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Th, bà T, bà H, bà Đ, bà Chiều và bà Ng, mỗi người được hưởng một suất theo quy định tại Đ 650, Đ 651 Bộ luật dân sự. Do cháu Trịnh Thị Lan(cháu nội ông Th) không thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc cho cháu Lan được hưởng thừa kế.

[6] Bà T là người chăm sóc, nuôi dưỡng cụ T và cụ Lánh, trực tiếp quản lý, tôn tạo, duy trì di sản và là người thờ cúng nên ngoài hưởng một suất thừa kế theo pháp luật cần trích từ di sản cho bà T được hưởng công sức bằng một suất thừa kế và hưởng bằng hiện vật là phù hợp.

[7] Xác định di sản: quá trình giải quyết bà Ng rút yêu cầu chia thừa kế đối với nhà mái bằng và số tiền 50.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chia di sản đối với quyền sử dụng đất, việc rút yêu cầu là tự nguyện nên được chấp nhận.

[7.1] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Kiến Xương cấp cho cụ Trịnh Thị T ngày 05/11/1997 có 360m^2 đất ở và 23m^2 đất vườn thuộc số thửa 3198a. Năm 2014 Nhà nước thu hồi 74,7m^2 đất ở, như vậy diện tích đất còn lại là 308,3m^2 (trong đó 285,3 m^2 đất ở lâu dài và 23m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc hai thửa 321 và 737 tờ bản đồ số 25 là di sản thừa kế.

[7.2] Ngoài diện tích đất theo giấy chứng nhận đã cấp, còn 82,2m^2 tăng lên do sai số khi đo đạc thuộc thửa 734, là đất trồng cây lâu năm, diện tích đất tăng lên là của cả hai thửa 3198 và 3198a (bản đồ 04), bà H tự xác định là đất di sản thừa kế không có ý kiến gì, do vậy đây cũng là di sản thừa kế để chia.

Kỷ phần thừa kế: Giá trị di sản, đất ở: 285,3 m^2 x 7.000.000 đồng/m^2 = 1.997.100.000 đồng; đất trồng cây lâu năm 23m^2 + 82,2m^2= 105,2m^2 x 45.000 đồng =4.725.000 đồng, mỗi suất thừa kế được hưởng giá trị 285.975.000 đồng.

Bà Đ và bà Chiều đều nhường quyền hưởng toàn bộ di sản của mình cho bà T, bà H nhường quyền hưởng phần còn lại sau khi trừ đi diện tích đất bà đã xây sang đất di sản cho bà T, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần chấp nhận.

[8] Về vị trí đất được xác định là di sản: diện tích đất cấp cho cụ T và bà H được tách ra từ một thửa 3198, khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có sơ đồ đất, quá trình sử dụng không có sự phân định ranh giới. Tuy nhiên năm 2014 bà H đã xây nhà ở ổn định, năm 2021 đã tự đề nghị và được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng một phần đất của mình cho bà Huê, các đồng thừa kế không có ý kiến gì về việc này và đều thống nhất xác định vị trí diện tích đất của di sản. Căn

cứ vào hiện trạng sử dụng đất cũng như ý kiến của các đồng thừa kế, HĐXX xác định di sản là diện tích đất có vị trí, tứ cận đúng như bà Ng đang yêu cầu.

[9] Về phân chia di sản bằng hiện vật: vị trí 82,2m^2 đất tăng lên do sai số khi đo đạc nằm ngoài diện tích đất cụ Lđã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không cộng tổng hai diện tích đất này để chia mà phân chia riêng biệt, cụ thể như sau:

[9.1] Trong 308,3m^2 đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có 285,3 m^2 đất ở lâu dài và 23m^2 đất trồng cây lâu năm, cơ quan có thẩm quyền không xác định được vị trí cụ thể của từng loại đất nên mỗi kỷ phần được chia 40,75m^2 đất ở và 3,28m^2 đất trồng cây lâu năm.

Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất, việc nhường quyền hưởng di sản thừa kế của bà Đ, bà Chiều, bà H cho bà T, Đ kiện, nhu cầu sử dụng đất của các đồng thừa kế, cần phân chia di sản như sau:

[9.1.1] Bà Trịnh Thị H đã xây nhà sang diện tích đất được xác định là di sản, phần có tài sản xây sang là 17,2m^2 tổng diện tích đất cắt dọc theo phần tài sản là 8,2m^2 + 17,2m^2 + 17,7m^2 = 43,1m^2. Do vậy cần chia cho bà Trịnh Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 43,1m^2, trong đó có 40,75m2 đất ở và 2,35m^2 đất trồng cây lâu năm, đất có tứ cận: phía Đông giáp đường 457 dài 2,99 m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Trdài 3,10 m; phía Nam giáp đất bà Trịnh Thị Ng được chia dài 14,28m, phía Bắc giáp đất bà Trịnh Thị H dài 14,03 m, (có sơ đồ kèm theo). Diện tích đất của bà H được hưởng còn: 44,03m^2 – 43,1m^2 = 0,93m^2 đất trồng cây lâu năm sẽ giao cho bà T sử dụng. Bà H được quyền sử dụng 17,2m^2 nhà mái bằng có trên đất được chia.

[9.1.2] Bà T được hưởng 4 suất thừa kế gồm 2 suất của bà và suất bà Đ, bà Chiều tự nguyện cho bà T, cụ thể: đất ở 40,75 x4 =163m^2, đất trồng cây lâu năm: 2,35m^2 x 4 +0,93m^2 (diện tích đất còn lại của bà H nhường cho bà T) = 10,33m^2, tổng giá trị di sản bà T được hưởng 1.141.465.000 đồng.

Chia cho bà Trịnh Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 166,6m^2 thuộc thửa 321 và 737, tờ bản đồ số 25, trong đó có 163m^2 đất ở và 3,6m^2 đất trồng cây lâu năm, đất có tứ cận: phía Đông giáp đường 457 dài 19,61 m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Th17,39m; phía Nam giáp đất ông Trịnh Văn Bdài 7,56m; phía Bắc giáp đất chia cho bà Trịnh Thị Ng dài 12,7m, (có sơ đồ kèm theo).

Bà T được quyền sử dụng nhà mái bằng, công trình phụ, mái tôn, mái proximang, sân và sở hữu toàn bộ cây có trên đất được chia.

[9.1.3] Diện tích đất còn lại 98,6m^2 được chia cho bà Ng và ông Th, tuy nhiên do kích thước chiều rộng của diện tích đất trên không đảm bảo Đ kiện tách thửa > 4m

theo quy định tại Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình nên chia cho bà Trịnh Thị Ng được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 98,6m^2 thuộc thửa số 737 tờ bản đồ số 25, trong đó có 81,55m^2 đất ở và 17,05m^2 đất trồng cây lâu năm, có tứ cận như sau: phía Đông giáp đường 457 dài 6,78 m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Trdài 7,64m; phía Nam giáp đất bà Trịnh Thị T dài 12,7m, phía Bắc giáp đất bà Trịnh Thị H (thửa 735) dài 14,28m, (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho bà Ng sử dụng móng nhà, 02 cây mít, bà H không yêu cầu thanh toán giá trị tiền móng nhà nên không đặt ra giải quyết, bà Ng phải thanh toán cho bà H giá trị hai cây mít là 200.000 đồng. Buộc bà H phải tháo dỡ, di dời bể nước, tex nước và các tài sản khác có trên đất bà Ng được chia.

Bà Ng phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Th phần giá trị của di sản ông Th được hưởng là 40,75m^2 đất ở x 7.000.000 đồng/m^2= 285.250.000 đồng và 3,28m^2 trồng cây lâu năm x 45.000 đồng/m^2= 148.000 đồng, tổng là 285.398.000 đồng.

Bà Ng có nghĩa vụ thanh toán cho bà T giá trị của 6,73m^2 đất trồng cây lâu năm còn thiếu x 45.000 đồng/m^2= 303.000 đồng

[9.2] Đối với 82,2m^2 đất trồng cây lâu năm tăng lên do sai số khi đo đạc, có tứ cận: phía Đông giáp đường 457 dài 6,31 m; phía Tây giáp đất bà Trịnh Thị Then dài 3,52 m; phía Nam giáp đất bà Phạm Thị Huê dài 17,45m, phía Bắc giáp thửa giáp thửa 336 của bà Trịnh Thị H dài 19,08 m, mỗi kỷ phần được hưởng 11,74m^2. Xét về Đ kiện, nhu cầu sử dụng đất cũng như việc nhường quyền hưởng di sản giữa các đồng thừa kế, cần giao toàn bộ diện tích đất trên cho bà T sử dụng, bà T có nghĩa vụ thanh toán giá trị của một suất thừa kế cho ông Th và bà Ng là 11,74m^2 x 45.000 đồng/m^2= 528.000 đồng, đối trừ số tiền bà Ng phải thanh toán cho bà T 303.000 đồng, bà T còn phải thanh toán cho bà Ng số tiền là 225.000 đồng. Giao cho bà T sử dụng toàn bộ tường bao phía Bắc giá trị 3.913.000 đồng, tường bao phía Tây giá trị 421.000 đồng và phải có trách nhiệm thanh toán cho bà H số tiền là 4.334.000 đồng.

[10] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.100.000 đồng, chi phí đo đạc bằng máy 8.428.000 đồng, tổng 11.528.000 đồng, bà Ng đã nộp đủ số tiền chi phí tố Tng và tự nguyện chịu toàn bộ số tiền này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[11] Về án phí: Áp dụng quy định tại Đ 147 Bộ luật tố Tng dân sự; Đ 12, khoản 7 Đ 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[11.1] bà Đ, bà Chiều đã để lại kỷ phần thừa kế của mình cho bà T nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương đương với toàn bộ giá trị phần di sản mà mình được nhận. Tuy nhiên do bà T, bà H, ông Th là người cao tuổi và đều có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[11.2] bà Trịnh Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần di sản được hưởng là 14.298.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Đ 149, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự; Đ 147, Đ 184, khoản 1 và khoản 3 Đ 228 Bộ luật tố Tng dân sự; Đ 12, Đ 13, khoản 7 Đ 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ Trịnh Văn T và Trần Thị Lcho các đồng thừa kế:

1. Chia cho bà Trịnh Thị T được quyền sử dụng diện tích đất 166,6m^2 trong đó có 163m^2 đất ở và 3,6m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 321 và thửa số 737 tờ bản đồ số 25 tại thôn T, xã G, huyện X, đất có tứ cận: phía Đông giáp đường 457 dài 19,61 m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Th17,39m; phía Nam giáp đất ông Trịnh Văn B dài 7,56m; phía Bắc giáp đất chia cho bà Trịnh Thị Ng dài 12,7m, (có sơ đồ kèm theo, ký hiệu 1). Bà T được quyền sở hữu toàn bộ nhà, công trình phụ, mái tôn, mái proximang, sân và cây cối có trên đất được chia.

2. Chia cho bà Trịnh Thị T được quyền sử dụng 82,2m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 734, tờ bản đồ số 25 tại thôn T, xã G, huyện X, có tứ cận: phía Đông giáp đường 457 dài 6,31 m; phía Tây giáp đất bà Trịnh Thị Th dài 3,52 m; phía Nam giáp đất bà Phạm Thị Huê dài 17,45m, phía Bắc giáp thửa 336 của bà Trịnh Thị H dài 19,08 m, (có sơ đồ kèm theo ký hiệu 4).

3. Chia cho bà Trịnh Thị Ng được quyền sử dụng diện tích đất 98,6m^2 trong đó có 81,55m^2 đất ở và 17,05m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 737 tờ bản đồ số 25 tại thôn T, xã G, huyện X, có tứ cận: phía Đông giáp đường 457 dài 6,78 m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Tr dài 7,64m; phía Nam giáp đất bà Trịnh Thị T dài 12,7m, phía Bắc giáp đất chia cho bà H dài 14,28m, (có sơ đồ kèm theo, ký hiệu 2). Bà Ng được sở hữu toàn bộ diện tích móng nhà, 02 cây mít, bà Ng có trách nhiệm thanh toán cho bà H giá trị 2 cây mít là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Buộc bà Trịnh Thị H phải

tháo dỡ, di dời bể nước, tex nước nhựa và các tài sản khác có trên diện tích đất bà Ng được chia.

4. Chia cho bà Trịnh Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 43,1m^2 trong đó có 40,75m^2 đất ở và 2,35m^2 đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 737 tờ bản đồ số 25 tại thôn T, xã G, huyện X, đất có tứ cận: phía Đông giáp đường 457 dài 2,99 m; phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Trdài 3,10 m; phía Nam giáp đất chia cho bà Trịnh Thị Ng dài 14,28m, phía Bắc giáp đất bà Trịnh Thị H (thửa 736) dài 14,03 m, (có sơ đồ kèm theo, ký hiệu 3). Bà H được quyền sử dụng 17m^2 nhà mái bằng có trên đất được chia.

4. Bà Trịnh Thị Ng có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Minh Th 285.398.000 (hai trăm tám mươi lăm triệu ba trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

5. Bà Trịnh Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trịnh Thị Ng số tiền 225.000 (hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

6. Bà Trịnh Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trịnh Minh Th số tiền 528.000 (năm trăm hai mươi tám nghìn) đồng.

7. Bà Trịnh Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trịnh Thị H số tiền 4.334.000 (bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn) đồng.

II. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trịnh Minh Th, bà Trịnh Thị T và bà Trịnh Thị H.

Bà Trịnh Thị Ng phải chịu 14.298.000 (mười bốn triệu hai trăm chín mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001513 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, bà Ng còn phải nộp 13.998.000 (mười ba triệu chín trăm chín mươi tám nghìn) đồng.

III. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật các bên đương sự, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ Tc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi

hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Đ 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Đ 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, HCTP.